

Bản án số: 56/2022/HS-ST

Ngày: 16- 02 - 2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Trần Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hà Thị Thủy

- Ông Nguyễn Quốc Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Bắc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vẹn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 164/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Trương Văn C, sinh ngày 04/11/1964; tại thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Nơi cư trú: Số 255 đường Tr, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở: Ấp Phú H, xã Phú Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Trương Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th

Vợ: Trương Thị Mỹ T; Con: có 02 người, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1990.

Tiền án, Tiền sự: Chưa.

Bị cáo tạm giam ngày 20/4/2021. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Hồ Tấn D - Công ty luật hợp doanh CILAF & PARTNERS thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Bị hại:* **Ông Ngô Văn V (Q), sinh năm: 1966** (có mặt).

Cư trú: Số 1034 đường L, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* **Chị Trương Thị Mỹ Ch, sinh năm 1990** (vắng mặt)

Cư trú: Ấp Phú H, xã Phú Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:*

1. **Ông Hồ Giang S**, sinh năm: 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Số 226 Trần Khánh D, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. **Ông Nguyễn Văn Th**, sinh năm: 1951 (có mặt).

Địa chỉ: Số 19 Bạch Đ, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. **Ông Đào Quốc Tr**, sinh năm: 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1091 Lâm Quang K, phường An H, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước năm 1975 bà Võ Thị Ngọc N có mảnh đất tọa lạc tại số 253A đường Trần Khánh D, phường An H, thành phố R, tỉnh Kiên Giang diện tích 224,7m², trong diện tích đất nêu trên bà N có cho vợ chồng ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị Th mượn 54,81 m² (ngang 6,3m x 8,7m) để ở. Năm 1995 bà N chết để lại quyền sử dụng đất trên cho con gái là Nguyễn Lệ Th và con rể là Nguyễn Văn Th cùng hai cháu ngoại là Nguyễn Thị Ngọc Th, Nguyễn Thanh T thừa kế. Đến năm 2002 ông T và bà Th, con ông T là bị cáo Trương Văn C có làm biên nhận tiếp tục mượn diện tích đất trên của gia đình ông Th để ở, không được xây dựng kiên cố và bán lại cho người khác. Đến ngày 05/02/2013, gia đình ông Th được Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BN690762 với diện tích 224,7 m² tại địa chỉ 253A Trần Khánh D, phường An H, thành phố R (04 người trong gia đình ông Th cùng đứng tên). Cũng vào khoảng năm 2013 (không nhớ ngày tháng cụ thể) gia đình ông Th đã bán cho ông Nguyễn Văn L 60,25 m² đất (5,0 m x 12,05 m). Sau đó, gia đình ông Th làm giấy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất lại và thống nhất để Nguyễn Thị Ngọc Th đứng tên. Ngày 15/9/2015, ông Th được Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CA581444 với diện tích 165,1 m² (bao gồm diện tích đất bị cáo Ch đang ở và lúc này nhà bị cáo C cũng lấy địa chỉ nhà số 255 Trần Khánh D, phường An H, thành phố R).

Đến ngày 06/11/2018, do cần tiền trả nợ và trị bệnh nên bị cáo C đã nói dối với ông Hồ Giang S nhà đất đang ở có diện tích 6,30 m x 11 m (diện tích đã lấn ra sông 2,30 m so với diện tích ban đầu mượn của ông Th) là của bị cáo nhưng chưa làm giấy đăng ký và nhờ ông S giới thiệu người bán dùm. Ông S giới thiệu cho ông Ngô Văn V đến xem nhà đất để mua. Khi gặp ông V, bị cáo khẳng định đây là nhà đất của bị cáo nhưng chưa làm giấy đăng ký và cũng không có tranh chấp với ai nên ông V đồng ý mua với giá 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 21/11/2018, sau khi nhận đủ tiền, bị cáo và ông V đến khu phố 6, phường An H, thành phố R làm giấy chuyển nhượng nhà đất. Khi ký hợp đồng bị cáo nói với vợ là bà T ký tên vào giấy mượn tiền nên bà T không biết ký vào hợp chuyển nhượng). Sau khi nhận đủ tiền bị cáo và bà T đã bỏ đi khỏi địa phương. Đến ngày 23/11/2018, ông V dọn đồ đạc đến nhà bị cáo đã bán thì bị ông Nguyễn Văn Th ngăn cản. Lúc này ông V mới biết đã bị lừa đảo nên đã đến Công an phường An Hòa trình báo vụ việc. Đến ngày 16/5/2019, Trương Văn C bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Rạch Giá khởi tố, ra lệnh bắt tạm giam để điều tra nhưng bị cáo bỏ trốn. Ngày 20/4/2021 bị bắt theo quyết định truy nã và bị tạm giữ để xét xử.

*** Vật chứng đã thu giữ:**

- 01 (một) giấy biên nhận ngày 03/12/2002, có chữ ký xác nhận của Trương Văn C và Trương Thị Mỹ T (bản phô tô do ông Nguyễn Văn Th giao nộp, kèm theo hồ sơ vụ án).

- 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN690762, diện tích 224,7m² tại địa chỉ 253A Trần Khánh D, phường An H, thành phố R, do Nguyễn Văn Th, Nguyễn Lê Th, Nguyễn Thị Ngọc Th và Nguyễn Thanh T cùng đứng tên (bản phô tô do ông Nguyễn Văn Th giao nộp, kèm theo hồ sơ vụ án)

- 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA581444, diện tích 165,1 m² tại địa chỉ 253A Trần Khánh D, phường An H, thành phố R, do Nguyễn Thị Ngọc Th đứng tên (bản phô tô do ông Nguyễn Văn Th giao nộp, kèm theo hồ sơ vụ án).

- 01 (một) giấy chuyển nhượng nhà đất ngày 06/11/2018 (bản chính do ông Ngô Văn V giao nộp, kèm theo hồ sơ vụ án).

- 08 (tám) biên lai thu thuê nhà đất; 01 (một) giấy thông báo nộp thuế (bản chính do ông Ngô Văn V giao nộp, kèm theo hồ sơ vụ án).

*** Tại bản kết luận giám định số 243/KL-KTHS, ngày 22 tháng 4 năm 2019, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận như sau:**

1. Chữ ký mang tên Trương Văn C, dưới mục: “bên bán”, trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký mang tên Trương Văn C, trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 **do cùng một người ký ra.**

2. Chữ ký và chữ viết ghi họ tên “Trương Văn C”, dưới dòng chữ: “tôi nhận ba trăm chiều...” và “tôi đã nhận đủ tiền...”, trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký và chữ viết ghi họ tên “Trương Văn C”, trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 **do cùng một người ký ra.**

3. Chữ ký mang tên Trương Văn C, dưới mục: “Người làm biên nhận”, trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký mang tên Trương Văn C, trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 **do cùng một người ký ra.**

4. Chữ viết ghi họ tên “Trương Văn C”, dưới mục: “Người làm biên nhận”, trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết ghi họ tên “Trương Văn C”, trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, từ M3 đến M5 và M7, M9 **không phải do cùng một người ký ra.**

5. Chữ viết có nội dung “Tôi tên: Trương Văn C; sn 1964...” và kết thúc: “...Trương Văn C”, trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ viết ghi họ tên “Trương Văn C”, trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, từ M3 đến M5 và M7, M9 **do cùng một người viết ra.**

6. Chữ ký và chữ viết ghi họ tên “Trương Văn C”, dưới dòng chữ: “Trương Thị Mỹ T”, trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký và chữ viết ghi họ tên “Trương Văn C”, trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 **do cùng một người viết ra.**

*** Tại bản cáo trạng số: 187/CT-VKSTPRG ngày 27/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Trương Văn C về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.**

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trương Văn C mức án từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) 06 tháng (sáu) tháng tù. Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu ý kiến tranh luận: Vị luật sư thống nhất tội danh và điều luật như Viện kiểm sát truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải,

gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo bị bệnh và bị cáo đã khắc phục hậu quả bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại. Đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ để bị cáo sớm về với gia đình.

Ý kiến trình bày tranh luận của bị hại- ông Ngô Văn V: Đồng ý thỏa thuận nhận bồi thường số tiền còn lại là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), đề nghị Tòa án ghi nhận và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thành phố Rạch Giá, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn C đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Năm 2002 gia đình ông Nguyễn Văn Th cho bị cáo mượn diện tích đất 6,30m x 8,70m tại đường Trần Khánh D, phường An H, thành phố R, tỉnh Kiên Giang để ở. Đến năm 2018 bị cáo bán phần đất này cho ông Ngô Văn V với số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), bị cáo nói với ông V đây là đất của bị cáo nhưng chưa làm giấy được và không tranh chấp với ai nên ông V tin tưởng đồng ý mua. Sau khi nhận tiền bán đất của ông V, bị cáo bỏ đi khỏi địa phương, ngày 23/11/2018 ông V đến ở thì bị ông Nguyễn Văn Th ngăn cản vì đây là đất ông Th cho bị cáo mượn ở không thuộc quyền sở hữu của bị cáo. Ông V trình báo sự việc đến Công an phường an Hòa, ngày 16/5/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Rạch Giá khởi tố, ra lệnh bắt tạm giam nhưng bị cáo bỏ trốn. Ngày 20/4/2021 bị cáo bị bắt theo Lệnh truy nã.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trương Văn

C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] *Xét về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo ý thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ ra công sức lao động chân chính, nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin giả là đất chuyển nhượng thuộc quyền sở hữu của bị cáo nhằm lừa ông V để ông V tin tưởng nhận chuyển nhượng đưa tiền cho bị cáo. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình bị hại mà còn làm mất an ninh, trật tự ở địa phương và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Ngoài ra, khi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Rạch Giá khởi tố, ra lệnh bắt tạm giam bị cáo đã bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã. Do đó, cần xét xử bị cáo một hình phạt tương xứng để cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội và đồng thời cũng nhằm ngăn ngừa chung loại tội phạm này.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét thái độ thành khẩn khai báo ăn năn hối cải của bị cáo, bị cáo cũng tác động để gia đình khắc phục hậu quả, trả lại một phần tiền cho bị hại. Đồng thời, ông V cũng có đơn xin giảm nhẹ án cho bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét quyết định một hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo tự nguyện khắc phục hậu một phần hậu quả trả lại tiền chiếm đoạt của ông V, trong quá trình điều tra truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình theo đề nghị của vị kiểm sát viên và của vị luật sư bào chữa cho bị cáo là phù hợp.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Xét bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại là ông Ngô Văn V trước khi mở phiên tòa đã nhận tiền bồi thường, khắc phục hậu quả của bị cáo 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và giữa bị cáo với ông V thỏa thuận bị cáo sẽ tiếp tục bồi thường cho ông V số tiền còn lại là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Xét

bị cáo và bị hại thỏa thuận được bồi thường với nhau nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Về án phí dân: Do trước khi mở phiên tòa bị cáo và bị hại đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trương Văn C, 03 (ba) năm** tù. Thời hạn tù kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 20/4/2021).

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại - ông Ngô Văn V số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/02/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan THA Tp. Rạch Giá;
- Nhà tạm giữ-Công an Tp. Rạch Giá;
- Bị cáo, người TGTT;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Trần Mộng Thúy

